

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST
Ngày 19-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Hà Thị Mão

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 590/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 648/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T; địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266- 268 đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân T; chức vụ: Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn T, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 37/2019/GUQ- CNHP ngày 02 tháng 01 năm 2019); có mặt.

- Bị đơn: Bà Chu Thị Thu A; nơi cư trú: Số 80/179 đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/05/2016, bà Chu Thị Thu A có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Chu Thị Thu A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Chu Thị Thu A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.900.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, nhiều kỳ bà Chu Thị Thu A không thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn. Do bà Chu Thị Thu A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 30/11/2017 toàn bộ dư nợ còn thiếu chuyển sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến hết ngày 18/11/2019, bà Chu Thị Thu A còn nợ các khoản sau: Nợ gốc là: 11.862.296 đồng, nợ lãi quá hạn: 10.899.629 đồng. Tổng cộng bằng 22.761.925 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc với bà Chu Thị Thu A, yêu cầu bà Chu Thị Thu A có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Chu Thị Thu A trả nợ. Tuy nhiên bà Chu Thị Thu A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn bà Chu Thị Thu A phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 18/11/2019 là 22.761.925 (hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm hai mươi năm) đồng trong đó: Nợ gốc là: 11.862.296 đồng, nợ lãi quá hạn là: 10.899.629 đồng. Bà Chu Thị Thu A có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng khoản lãi phát sinh từ ngày 19/11/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Chu Thị Thu A đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Chu Thị Thu A vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không tiến hành được việc lấy lời khai của bị đơn bà Chu Thị Thu Anh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T vẫn

giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà Chu Thị Thu A phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 18/11/2019 là 22.761.925 (hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm hai mươi năm) đồng trong đó: Nợ gốc là: 11.862.296 đồng, nợ lãi quá hạn là: 10.899.629 đồng.

Bà Chu Thị Thu A phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ ngày 19/11/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Bà Chu Thị Thu A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tại thời điểm thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn bà Chu Thị Thu A; nơi cư trú: Số 80/179 đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng, nên theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cho thấy: Ngày 23/5/2016, bà Chu Thị Thu A có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 15.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân cho bà Chu Thị Thu A nhưng bà Thu A đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 388, 389, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ các điều 90; 91; 94; 95; 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T, buộc bị đơn bà Chu Thị Thu A phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ tính đến ngày 18/11/2019 là 22.761.925 (hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm hai mươi năm) đồng, trong đó: Nợ gốc là: 11.862.296 đồng, nợ lãi quá hạn là: 10.899.629 đồng. Bà Chu Thị Thu Anh phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ ngày 19/11/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Bà Chu Thị Thu A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về pháp luật áp dụng:

[1] Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số thẻ 356480-9981 ngày 23/5/2016 giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T và bị đơn bà Chu Thị Thu A được ký kết, thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 khi giải quyết tranh chấp áp dụng Bộ luật Dân sự 2005.

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Chu Thị Thu A phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên. Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tại thời điểm thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn bà Chu Thị Thu A, cư trú tại: Số 80/179 đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án:

[3] Ngày 22 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân quận N thụ lý vụ án; đến ngày 02 tháng 10 năm 2019, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 590/2019/QĐXX-ST ngày 02/10/2019 cho bà Chu Thị Thu A nhưng tại phiên tòa ngày 25/10/2019, bà Chu Thị Thu A vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 648/2019/QĐST-DS ngày 25/10/2019 và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa trên cho bà Chu Thị Thu A. Tại phiên tòa hôm nay, bà Chu Thị Thu A vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Chu Thị Thu A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Ngày 23/5/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T và bà Chu Thị Thu A đã ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số thẻ 356480-9981 với hạn mức sử dụng thẻ là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Chu Thị Thu A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.900.000 đồng, nhiều kỳ bà Chu Thị Thu A không thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn. Do bà Chu Thị Thu A vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 30/11/2017 toàn bộ dư nợ còn thiếu chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 18/11/2019, bà Chu Thị Thu A còn nợ các khoản sau: Nợ gốc là: 11.862.296 đồng, nợ lãi quá hạn là: 10.899.629 đồng. Tổng cộng bằng 22.761.925 đồng.

[6] Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số thẻ 356480-9981 ngày 23/5/2016 được ký kết giữa Ngân hàng và bà Chu Thị Thu A, có chữ ký xác nhận của hai bên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[7] Thực hiện hợp đồng, sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Chu Thị Thu A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.900.000 đồng. Do bà Chu Thị Thu A vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Chu Thị Thu A và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T khởi kiện buộc bà Chu Thị Thu A phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 471 và Điều 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần được chấp nhận.

[8] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T buộc bà Chu Thị Thu A phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 18/11/2019 là 22.761.925 (hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm hai mươi năm) đồng,

trong đó: Nợ gốc là: 11.862.296 đồng, nợ lãi quá hạn là: 10.899.629 đồng.

[9] Bà Chu Thị Thu A phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ ngày 19/11/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

+ Về án phí:

[10] Bị đơn bà Chu Thị Thu A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 22.761.925 đồng x 5% = 1.138.000 đồng.

+ Về quyền kháng cáo:

[11] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T và bà Chu Thị Thu A được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 388, Điều 389, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật Các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T.

Buộc bị đơn bà Chu Thị Thu A phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ

phần Sài Gòn T số tiền nợ tính đến ngày 18/11/2019 là 22.761.925 (hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn, chín trăm hai mươi năm) đồng, trong đó: Nợ gốc: 11.862.296 đồng, nợ lãi quá hạn là: 10.899.629 đồng.

Kể từ ngày 19/11/2019 bà Chu Thị Thu A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về án phí: Bà Chu Thị Thu A phải nộp 1.138.000 (một triệu một trăm ba mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 510.000 (năm trăm mười nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005931 ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng.

- Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn bà Chu Thị Thu A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Mười

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Mười

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Mười

